

Số: *2304*/QĐ-UBND

Bến Tre, ngày *07* tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục 01 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung
trong lĩnh vực người có công thuộc thẩm quyền giải quyết
của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính
phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày
07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị
định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn
phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 108/QĐ-LĐTBXH ngày 15 tháng 02 năm 2022 của Bộ
Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban
hành, thủ tục hành chính bãi bỏ về lĩnh vực người có công thuộc phạm vi chức
năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;*

*Căn cứ Quyết định 2102/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc thông qua Phương án đơn giản hóa 01 thủ tục hành chính
trong lĩnh vực lao động, người có công và xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết của
tỉnh Bến Tre;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ
trình số 3125/TTr-SLĐTBXH ngày 30 tháng 9 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 01 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực người có công thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (Phụ lục danh mục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Bãi bỏ 01 thủ tục hành chính (số 18) lĩnh vực người có công ban hành kèm theo Quyết định số 920/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục 31 thủ tục hành chính mới ban hành, 26 thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực người có công thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 3. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội dự thảo Quyết định phê duyệt sửa đổi, bổ sung 01 quy trình nội bộ (số 18) ban hành kèm theo Quyết định số 1457/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt 31 quy trình nội bộ ban hành mới trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực người có công thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Bến Tre, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Các Phó CVP.UBND tỉnh;
- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Phòng KSTTHC, KG-VX, TTPVHCC;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Trần Ngọc Tam

Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI
QUYẾT CỦA SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
(Kèm theo Quyết định số 2304/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
Lĩnh vực: Người có công			
1	1.010818	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày.	<i>Quyết định 2102/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua Phương án đơn giản hóa 01 thủ tục hành chính trong lĩnh vực lao động, người có công và xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh Bến Tre.</i>



Phụ lục II

NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI (Kèm theo Quyết định số 2304/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

LĨNH VỰC: NGƯỜI CÓ CÔNG

1. Thủ tục: Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày

1.1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Cá nhân lập bản khai theo Mẫu số 10 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP kèm một trong các giấy tờ quy định tại Điều 60 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP gửi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú.

Trường hợp chết mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi thì kèm theo giấy báo tử hoặc trích lục khai tử.

- Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận bản khai và lập danh sách những trường hợp đủ điều kiện kèm giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều 62 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Bước 3: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm kiểm tra, lập danh sách kèm giấy tờ theo quy định gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công (Bộ phận Một cửa Sở Lao động - Thương binh và Xã hội). Trung tâm phục vụ hành chính công tiếp nhận hồ sơ chuyển Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Bước 4: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trong **thời gian 10 ngày làm việc** kể từ ngày nhận đủ giấy tờ, có trách nhiệm kiểm tra, ban hành quyết định công nhận và trợ cấp ưu đãi theo Mẫu số 66 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP chuyển cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để trả kết quả.

- Bước 5: Bộ phận một cửa Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh gửi kết quả giải quyết thủ tục hành chính về Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện để chuyển cho UBND cấp xã và cá nhân.

1.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 126A, đường Nguyễn Thị Định, Tổ 10, Khu phố 2, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre) hoặc qua dịch vụ bưu chính bưu chính.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

1.4. Thành phần hồ sơ

- Bản khai theo Mẫu số 10 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.

- Giấy báo tử hoặc trích lục khai tử (đối với trường hợp chết mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi).

- Một trong các giấy tờ chứng minh có tham gia cách mạng, kháng chiến bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế và thời gian, địa điểm bị tù, đầy như sau:

+ Bản sao được chứng thực từ một trong các giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền ban hành, xác nhận từ ngày 31/12/1994 trở về trước: lý lịch cán bộ, lý lịch đảng viên, lý lịch quân nhân, lý lịch công an; hồ sơ khen thưởng tổng kết thành tích tham gia kháng chiến; các giấy tờ, tài liệu khác.

+ Bản sao được chứng thực từ hồ sơ hưởng chế độ Bảo hiểm xã hội.

+ Bản trích lục hồ sơ liệt sĩ.

+ Giấy xác nhận của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an về thời gian tù và nơi bị tù.

1.5. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.6. Thời hạn giải quyết: 22 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ (Thời gian cụ thể được quy định tại từng bước của quy trình thực hiện).

1.7. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

1.8. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội; Ủy ban nhân dân cấp xã.

1.9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định về việc trợ cấp ưu đãi người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đầy.

1.10. Lệ phí: Không có.

1.11. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Bản khai để giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đầy (Mẫu số 10 Phụ Lục I Nghị định 131/2021/NĐ-CP).

1.12. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Địa điểm bị tù, đầy để xem xét công nhận người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đầy được quy định tại Danh mục nhà tù và những nơi được coi là nhà tù do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

1.13. Căn cứ pháp lý ban hành

- Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng năm 2020.

- Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

- Quyết định số 2102/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua Phương án đơn giản hóa 01 thủ tục hành chính trong lĩnh vực lao động, người có công và xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh Bến Tre.

Lưu ý: Phần chữ in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI¹

**Để giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc và
làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày**

1. Phần khai về người bị địch bắt tù, đày

Họ và tên: Bí danh:
 Ngày tháng năm sinh: Nam/Nữ:
 CCCD/CMND số Ngày cấp..... Nơi cấp.....
 Quê quán:
 Nơi thường trú² :
 Thời kỳ tham gia hoạt động³ :
 Bị bắt tù, đày từ ngàythángnăm ... đến ngàytháng năm...
 Cơ quan, đơn vị khi bị bắt tù, đày:.....
 Cấp bậc, chức vụ khi bị bắt tù, đày:.....
 Lý do bị bắt tù, đày:Nơi bị tù:.....

2. Phần khai đối với đại diện thân nhân hưởng trợ cấp⁴

Họ và tên:
 Ngày tháng năm sinh: Nam/Nữ:
 CCCD/CMND số Ngày cấp..... Nơi cấp.....
 Nơi thường trú:
 Số điện thoại:.....
 Môi quan hệ với người bị bắt tù, đày:.....
 Người bị địch bắt tù, đày đã chết ngày ... tháng ... năm ...⁵ ./.

...., ngày... tháng... năm...
 Xác nhận của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền⁶ Ông
 (bà)..... hiện thường trú
 tại..... và có chữ ký trên bản

.... ngày ... tháng ... năm ...
Người khai
 (Ký, ghi rõ họ và tên)

khai là đúng.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI

KÝ(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

¹ Áp dụng cho cả 2 trường hợp: người bị địch bắt tù, đày còn sống hoặc đã chết.

² Áp dụng đối với trường hợp người bị địch bắt tù, đày còn sống.

³ Ghi rõ thời kỳ hoạt động: cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế.

⁴ Nếu người bị địch bắt tù, đày lập bản khai thì không khai mục này.

⁵ Nếu người bị địch bắt tù, đày còn sống thì không khai mục này.

⁶ Trường hợp đang tại ngũ, công tác trong quân đội thì cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý xác nhận. Trường hợp khác thì Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.